CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Xây dựng điện VNECO 2

Ngày 31/12/2024	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,000 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21
Số lượng CPLH (CP)	2,098,080
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	-
EPS	-654
P/E	-15.3

DT thuần
Q4/24
0.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.07| -45.1%
YoY: ▼0.08| -48.3%

LN thuần
Q4/24
-0.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.18| -74.7%
YoY: ▲ 0.21| 33.4%

LN sau thuế
Q4/24
-0.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.17| -67.8%
YoY: ▲ 0.21| 33.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-207%
YoY: +/-▼ 49.2%

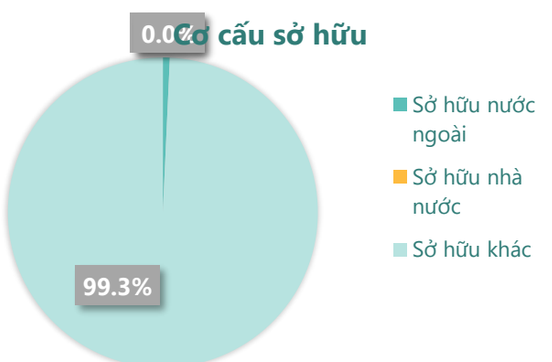
ROE
2024
-47.2%
YoY: +/-▲ 14.1%

DT thuần
2024
0.66
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.25| -65.2%

LN thuần
2024
-1.37
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.74| 56.1%

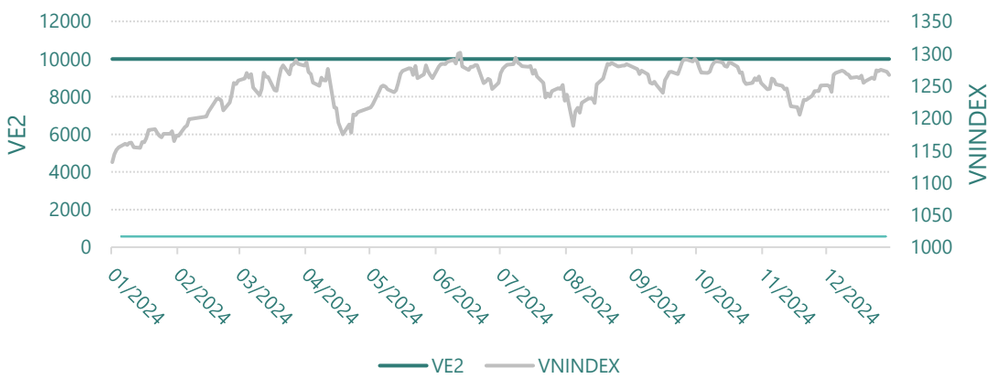
LN sau thuế
2024
-1.37
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.81| 56.8%

Cơ cấu sở hữu

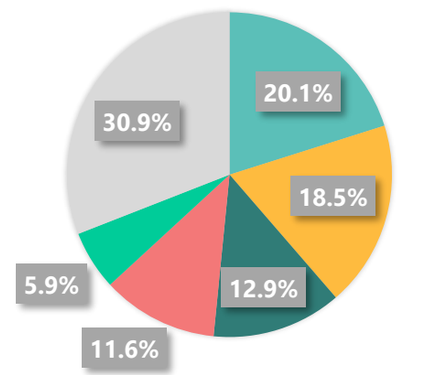


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

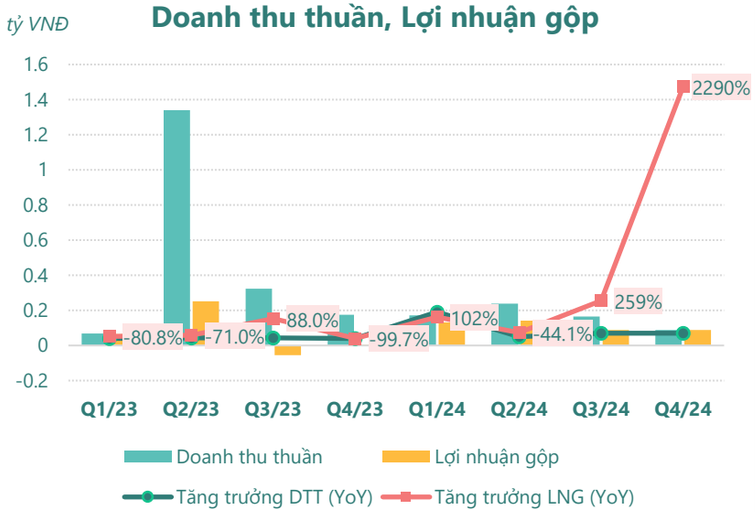


Phan Thúy Phương (Thành viên HĐQT)
Chung Việt Hà (Trưởng ban kiểm soát)
Khuất Văn Đăng
Lê Minh Đức (Thành viên HĐQT)
Nguyễn Đậu Thảo
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

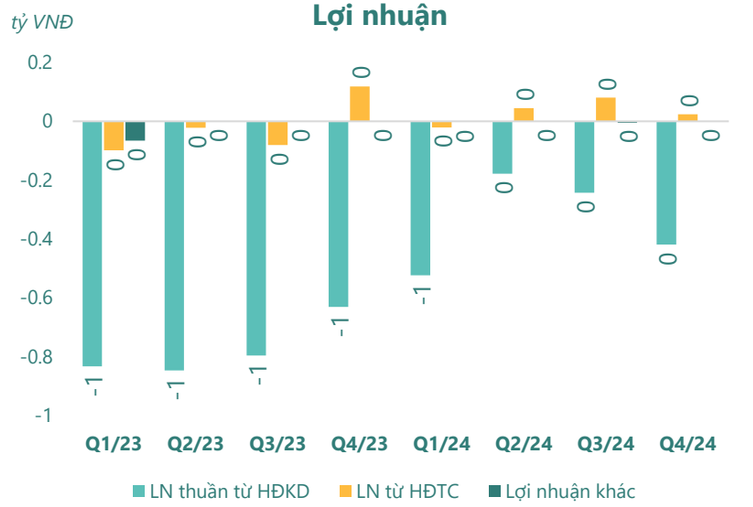
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



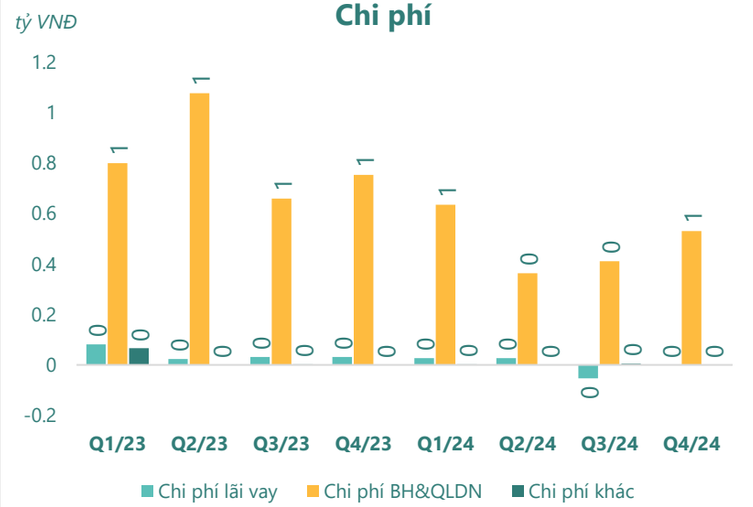
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



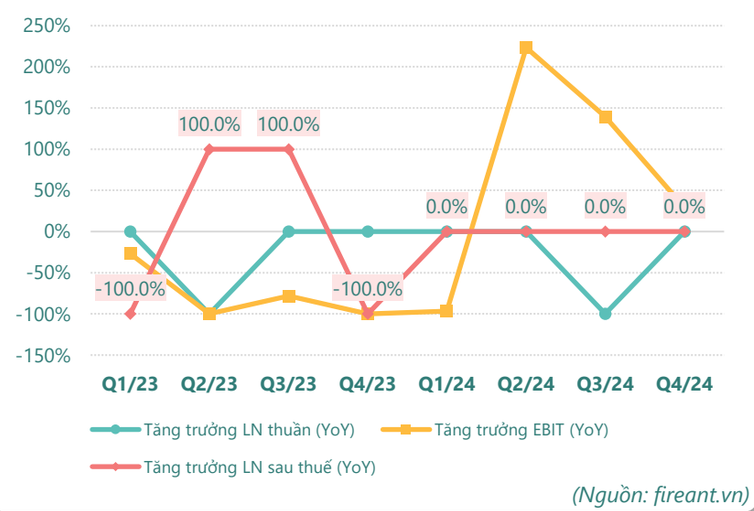
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



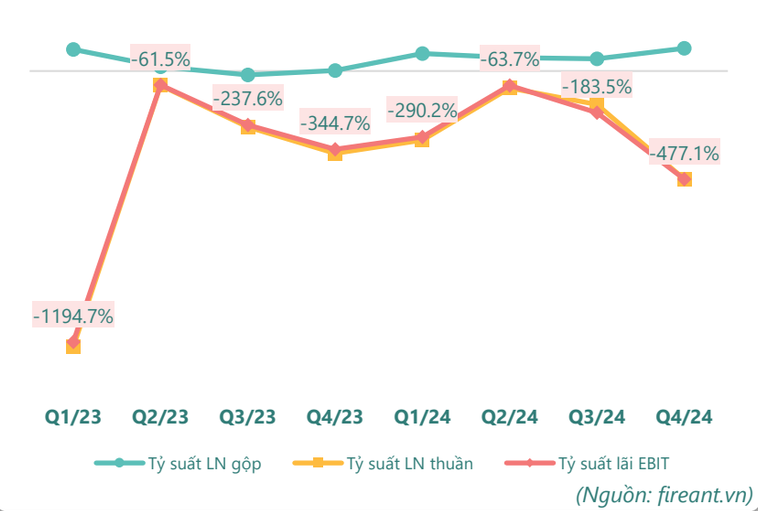
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



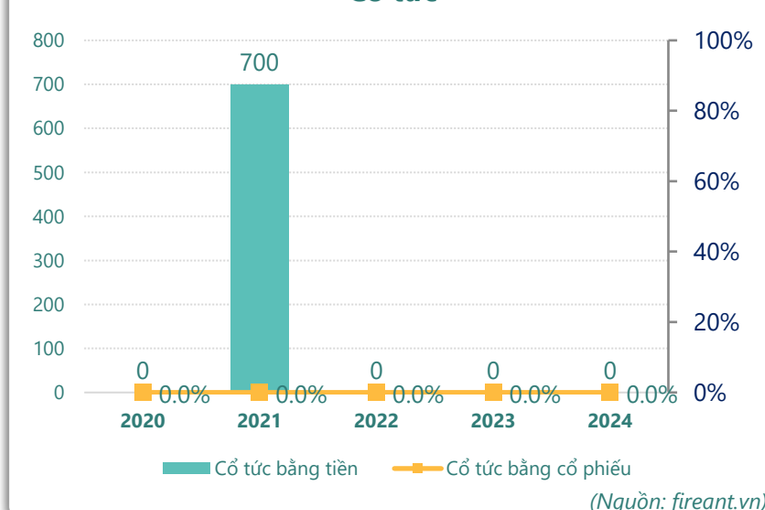
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



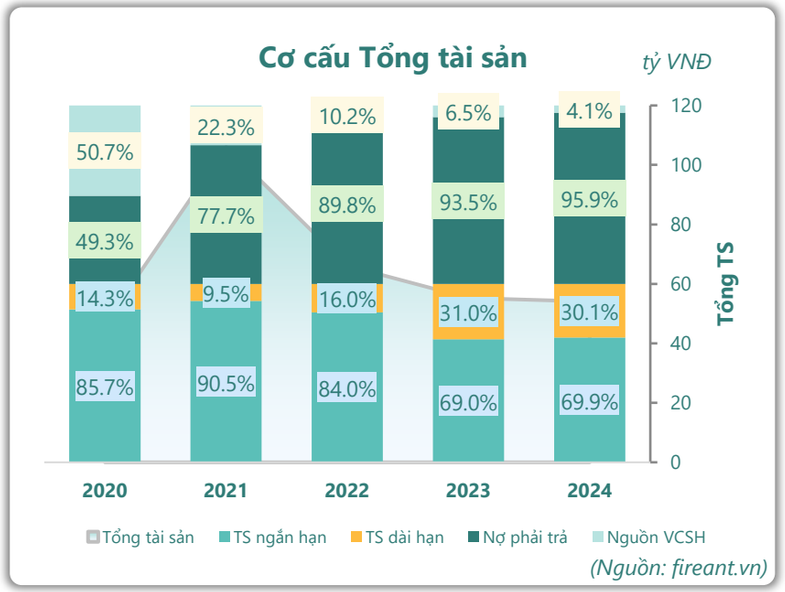
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

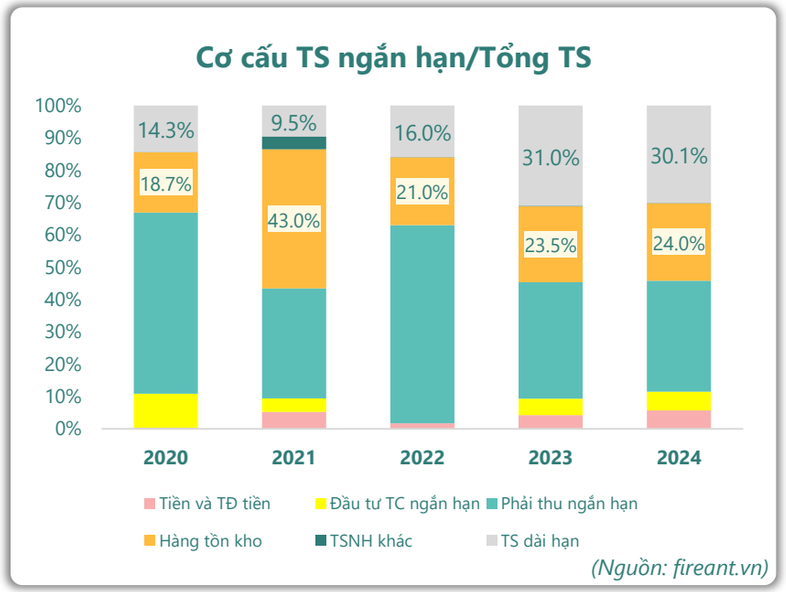


(Nguồn: fireant.vn)

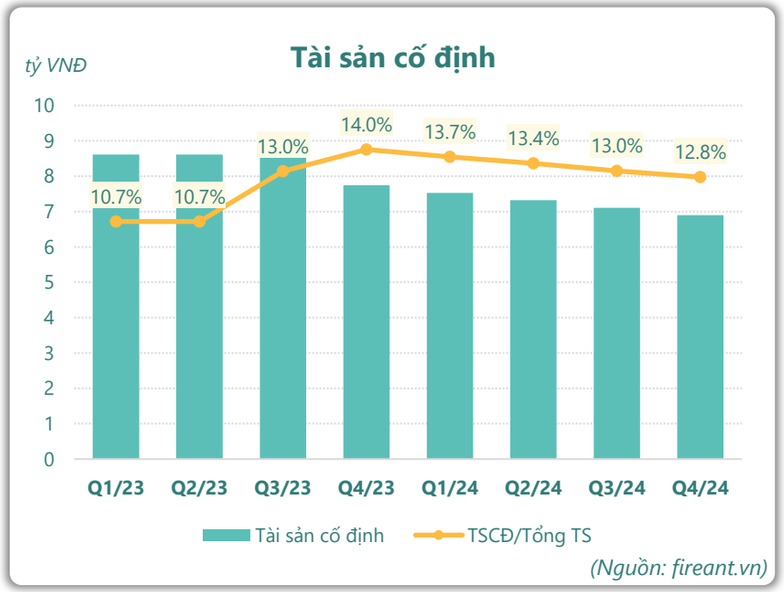
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



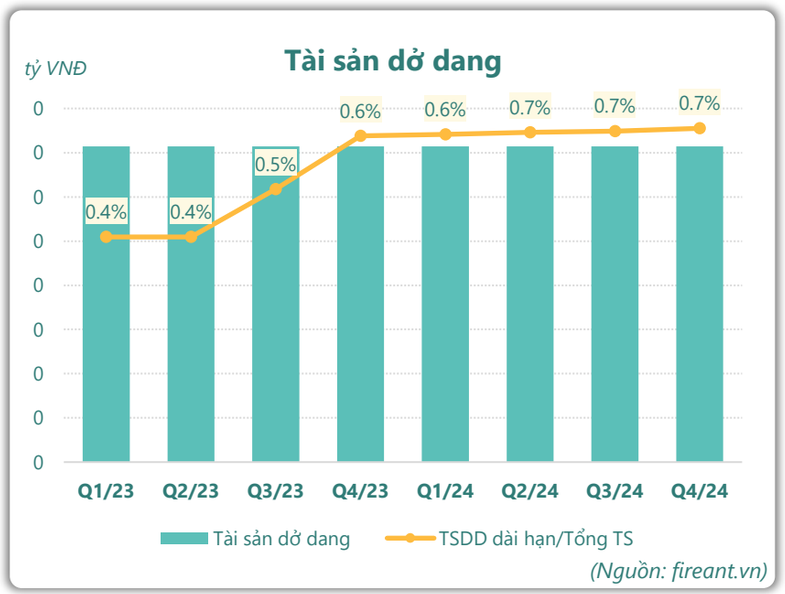
(Nguồn: fireant.vn)



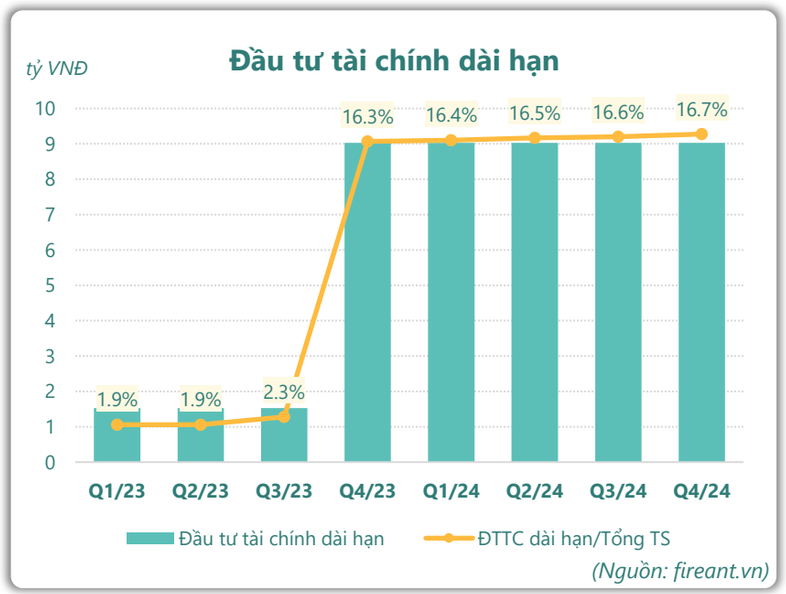
(Nguồn: fireant.vn)



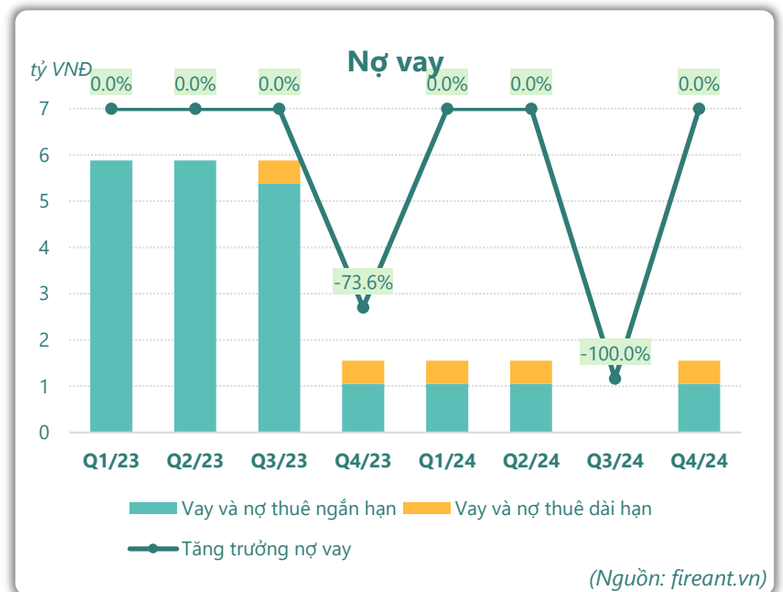
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



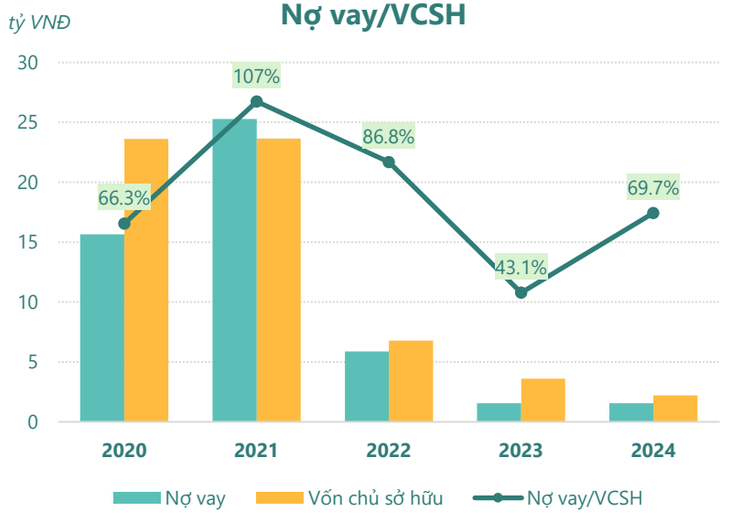
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



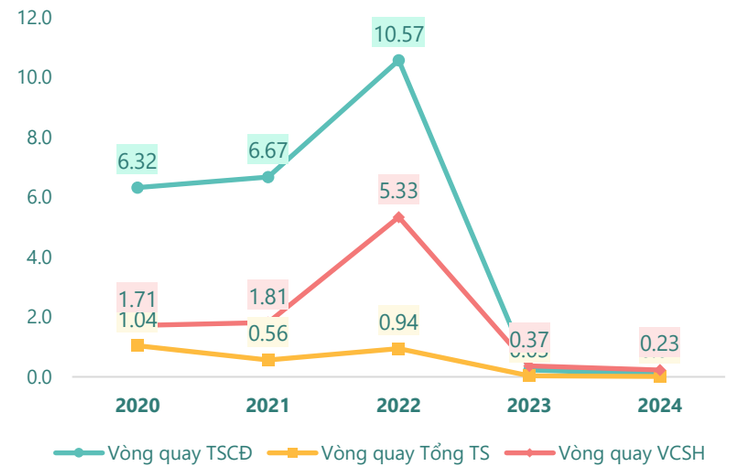
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



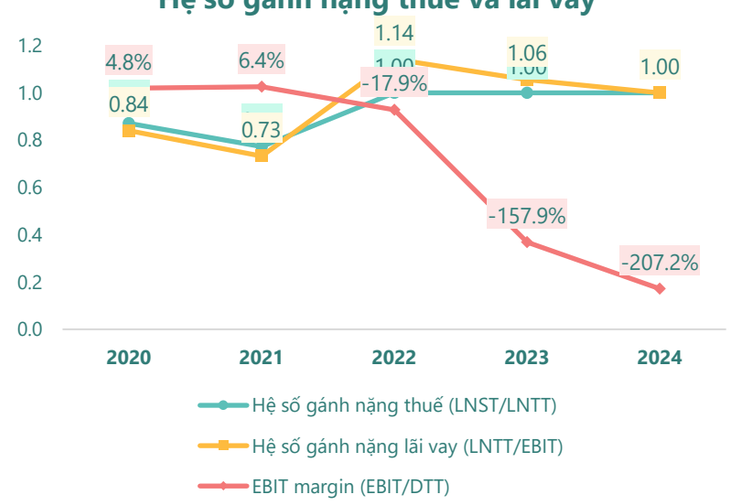
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



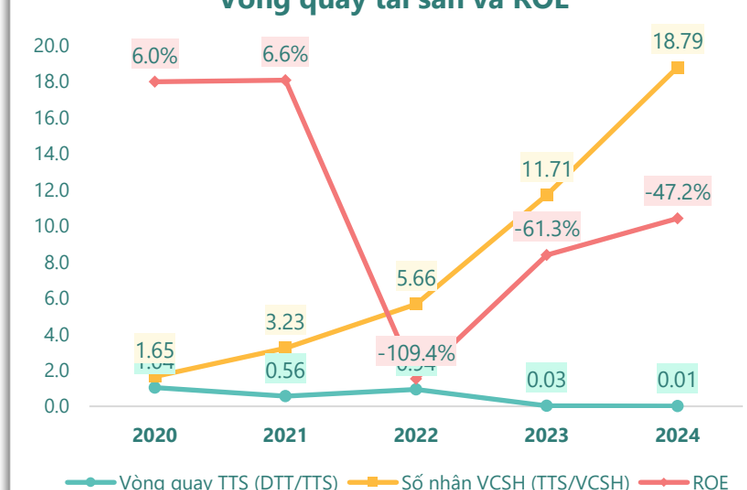
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



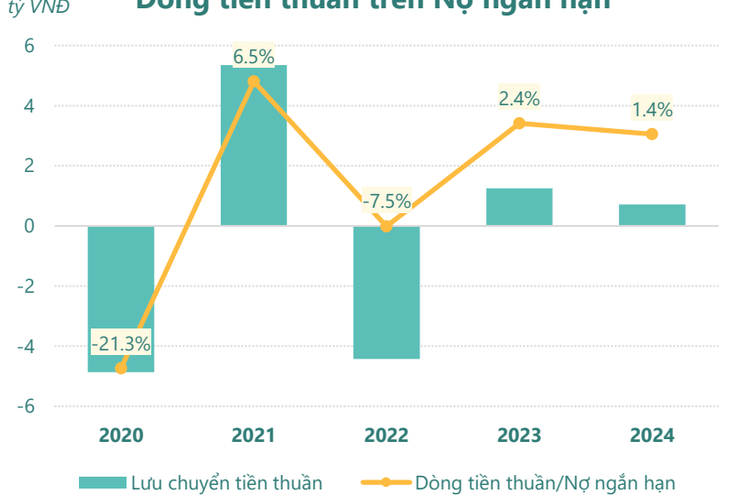
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.09**	**0.17**	**-48.3%**	**0.66**	**1.91**	**-65.2%**
Giá vốn hàng bán	0	0.17	-100%	0.21	1.64	-87.0%
Lợi nhuận gộp	0.09	0.00		0.45	0.27	68.8%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.15	-84.3%	0.13	0.17	-22.5%
Chi phí TC	0.00	0.03	-99.8%	0.00	0.25	-99.9%
Chi phí lãi vay	0	0.03	-100%	0	0.17	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.53**	**0.75**	**-29.2%**	**1.94**	**3.29**	**-41.0%**
LN thuần từ HĐKD	-0.42	-0.63	33.4%	-1.37	-3.11	56.1%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**-0.01**	**-0.07**	**89.6%**
LN trước thuế	-0.42	-0.63	33.4%	-1.37	-3.18	56.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.42**	**-0.63**	**33.4%**	**-1.37**	**-3.18**	**56.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.42**	**-0.63**	**33.4%**	**-1.37**	**-3.18**	**56.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16.6	17.8	0.92	-0.88	0.41	0.82
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	17.2	-17.8	-0.84	0.54	-0.33	0.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.79	2.33	2.35	2.43	2.09	2.17
Lưu chuyển tiền thuần	**0.54**	**0.02**	**0.07**	**-0.34**	**0.08**	**0.91**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.33	2.35	2.43	2.09	2.17	3.07

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**54.1**	**55.3**	**-2.2%**
Tài sản ngắn hạn	37.8	38.1	-1.0%
Tiền và tương đương tiền	3.07	2.35	30.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.15	2.80	12.5%
Phải thu ngắn hạn	18.5	19.9	-7.1%
Hàng tồn kho	13.0	13.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.07	-51.9%
Tài sản dài hạn	**16.3**	**17.2**	**-5.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.90	7.74	-11.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.36	0.36	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.03	9.03	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.03**	**-68.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	51.8	51.7	0.3%
Nợ ngắn hạn	**51.2**	**51.1**	**0.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.05	1.05	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.0	10.1	-0.3%
Nợ dài hạn	0.62	0.62	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2.22**	**3.60**	**-38.2%**
Vốn chủ sở hữu	**2.22**	**3.60**	**-38.2%**
Vốn điều lệ	21.6	21.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)